

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ LONG XUYÊN  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2020/HNGĐ-ST  
Ngày: 21-5-2020  
V/v tranh chấp “Ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYÊN, TỈNH AN GIANG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đặng Thị Diệu Tiên.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Đặng Hữu Tấn.
2. Ông Võ Thanh Tân.

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Dung – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên tham gia phiên tòa:***  
Ông Nguyễn Thanh Tú – Kiểm sát viên.

Trong ngày 21 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 388/2019/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2019 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2020/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 02 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: bà Hồ Thị H, sinh năm: 1998. (có đơn xin vắng mặt).

Nơi cư trú: ấp Nguyễn T, xã Đ, huyện B, tỉnh Cà Mau.

Bị đơn: ông Trần Ngọc Út L, sinh năm: 1991. (vắng mặt).

Nơi cư trú: số 2/7A khóm A, phường T, thành phố X, tỉnh An Giang.

Hộ khẩu thường trú: số 22/7 khóm A, phường T, thành phố X, tỉnh An Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Trong đơn khởi kiện, tờ tự khai nguyên đơn bà Hồ Thị H trình bày: bà và ông L do mai một và tự nguyện kết hôn, vợ chồng có đăng ký kết hôn tại UBND phường T. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống và không còn chung sống với nhau khoảng 01 năm. Nhận thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn với ông L.

- Về con chung: có 01 con chung tên Trần Văn Rô N, sinh ngày 14/02/2015. Hiện cháu N đang sống với ông L, sau khi ly hôn, bà H đồng ý để ông L được tiếp tục nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: không có.

- Bị đơn ông Trần Ngọc Út L vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên không thể ghi nhận ý kiến của ông L đối với yêu cầu khởi kiện của bà H.

*Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:*

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký phiên tòa đảm bảo theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do, không trình bày ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn nên chưa thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình.

Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Hồ Thị H; về con chung Trần Văn Rô N hiện đang được ông L nuôi dưỡng ổn định nên chấp nhận yêu cầu của bà H giao cháu N cho ông L tiếp tục nuôi dưỡng và không ghi nhận được ý kiến của ông L đối với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét. Về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Hồ Thị H có đơn xin vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; Bị đơn ông Trần Ngọc Út L được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không tham dự phiên tòa.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thủ tục tố tụng:

[1] Bà Hồ Thị H yêu cầu ly hôn với ông Trần Ngọc Út L. Ông L có nơi cư trú tại khóm A, phường T, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang. Nên Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền được quy định tại các Điều 28, 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Nguyên đơn bà Hồ Thị H có đơn xin vắng mặt, bị đơn ông Trần Ngọc Út L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: bà Hồ Thị H và ông Trần Ngọc Út L xác lập quan hệ vợ chồng và chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên hôn nhân của ông, bà được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Khi vợ chồng chung sống thì phát sinh mâu thuẫn do tính tình không phù hợp, trong quá trình giải quyết vụ án bà H xác định không còn tình cảm với ông L, giữa vợ chồng mâu thuẫn trầm

trọng không thể hàn gắn nên bà vẫn cương quyết yêu cầu ly hôn, ông L cũng không có ý kiến đối với yêu cầu ly hôn của bà H. Hội đồng xét xử nhận thấy, hôn nhân phải trên cơ sở tự nguyện, bà H xác định không thể tiếp tục chung sống cùng với ông L, hôn nhân không hạnh phúc và vợ chồng không còn chung sống với nhau khoảng 01 năm nay, giữa vợ chồng không còn thực hiện các quyền và nghĩa vụ cũng như không cố gắng hàn gắn, duy trì cuộc sống hôn nhân. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H là phù hợp với quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: có 01 con chung tên Trần Văn Rô N, sinh ngày 14/02/2015 hiện đang sống với ông L. Sau khi ly hôn, bà H đồng ý để ông L trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Hội đồng xét xử xét thấy từ khi bà H và ông L không còn chung sống với nhau thì cháu N vẫn sống chung với ông L cho đến nay, cháu vẫn phát triển tốt về thể chất và tinh thần. Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ án thì ông L cũng không có văn bản trình bày ý kiến phản đối về việc tiếp tục nuôi cháu N. Trong thời gian cháu N sống với ông L đã ổn định về chỗ ở cũng như môi trường học tập, điều kiện sinh hoạt, tâm tư, tình cảm của cháu cũng gắn liền với cha. Để đảm bảo cuộc sống ổn định cho cháu N, Hội đồng xét xử quyết định giao các cháu N cho ông L trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: không ghi nhận được ý kiến của ông L đối với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét, giải quyết.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: ghi nhận ý kiến của bà H trình bày không có, không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

[7] Về án phí: bà H phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH**

- Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Các Điều 28, 35, 39, 144, 147, 227, 228, 235, 273 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Thị H.

- Về quan hệ hôn nhân: bà Hồ Thị H được ly hôn với ông Trần Ngọc Út L. Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 69/2015, quyền số 01/2015 ngày 11/6/2015 do UBND phường T, thành phố X, tỉnh An Giang cấp không còn giá trị pháp lý.

- Về con chung: ông Trần Ngọc Út L được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Trần Văn Rô N, sinh ngày 14/02/2015.

Bà H không trực tiếp nuôi con chung nhưng bà có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được ngăn cản bà H thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

- Về cấp dưỡng nuôi con: không xem xét, giải quyết.
- Về tài sản chung: không xem xét, giải quyết.

- Về nợ chung: ghi nhận bà Hồ Thị H xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật nếu có nguyên đơn xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì bà Hồ Thị H và ông Trần Ngọc Út L vẫn phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách bị đơn trong vụ án dân sự khác.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: bà Hồ Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền số 0003192 ngày 12/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang. Bà H đã nộp xong.

Bà Hồ Thị H, ông Trần Ngọc Út L được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- VKSND thành phố Long Xuyên;
- TAND tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS thành phố Long Xuyên;
- UBND phường T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ
- VP (5)/.

**TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đặng Thị Diệu Tiên**